

**BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN**

Lớp: **TBV22B2LX** Năm học: **22-23**  
Mã môn học/ Mô đun: **MH001186** Học kỳ: **01**  
Tên môn học/ Mô đun: **Pháp luật chuyên ngành BVTV**  
Số tín chỉ: **1**

| STT | MSHS          | Họ tên              | Ngày sinh  | Hệ số 1 |     | Hệ số 2 |  | ThiL1 | ThiL2 | ĐMH/<br>MD |
|-----|---------------|---------------------|------------|---------|-----|---------|--|-------|-------|------------|
| 1   | 2256201162902 | Nguyễn Trí Ân       | 29/10/2007 |         | 5   | 5.0     |  | 9.3   |       | 7.6        |
| 2   | 2256201162903 | Võ Phúc Chương      | 09/06/2007 |         | 0   | 0.0     |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 3   | 2256201162904 | Từ Chí Dũng         | 27/04/2007 |         | 8   | 8.5     |  | 7.0   |       | 7.5        |
| 4   | 2256201162905 | Ngô Võ Thúy Duyên   | 20/03/2007 |         | 0   | 0.0     |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 5   | 2256201162906 | Nguyễn Hữu Đoàn     | 22/04/2007 |         | 7   | 9.0     |  | 4.5   |       | 6.0        |
| 6   | 2256201162907 | Trương Gia Hân      | 12/07/2007 |         | 8   | 8.5     |  | 6.5   |       | 7.2        |
| 7   | 2256201162908 | Nguyễn Nhựt Hào     | 28/02/2002 |         | 0   | 0.0     |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 8   | 2256201162909 | Lê Đình Khang       | 31/10/2007 |         | 0   | 0.0     |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 9   | 2256201162910 | Nguyễn Hoàng Khang  | 09/02/2007 |         | 0   | 0.0     |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 10  | 2256201162911 | Trần Nhựt Khanh     | 10/06/2007 |         | 8   | 9.0     |  | 6.8   |       | 7.5        |
| 11  | 2256201162912 | Cao Tuệ Mẫn         | 08/04/2007 |         | 8   | 9.0     |  | 10.0  |       | 9.5        |
| 12  | 2256201162913 | Trần Thái Nam       | 20/09/2007 |         | 7   | 8.5     |  | 4.5   |       | 5.9        |
| 13  | 2256201162914 | Trần Kim Ngọc       | 13/12/2007 |         | 8   | 8.5     |  | 9.5   |       | 9.0        |
| 14  | 2256201162915 | Trần Thị Kim Ngọc   | 05/09/2007 |         | 7.5 | 7.0     |  | 8.5   |       | 8.0        |
| 15  | 2256201162916 | Lại Thị Tuyết Nhi   | 23/05/2006 |         | 0   | 0.0     |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 16  | 2256201162917 | Nguyễn Lê Hiệp Phát | 23/02/2007 |         | 7.5 | 9.0     |  | 9.0   |       | 8.8        |
| 17  | 2256201162918 | Vũ Thị Bích Phương  | 08/08/2007 |         | 8   | 7.0     |  | 0.0   | 0.0   | 2.9        |
| 18  | 2256201162919 | Chau Rék Smây       | 03/10/2007 |         | 7.5 | 7.0     |  | 5.8   |       | 6.3        |
| 19  | 2256201162920 | Nguyễn Chí Tài      | 24/02/2007 |         | 5   | 5.0     |  | 4.5   | 5.0   | 5.0        |
| 20  | 2256201162921 | Tô Thiện Tâm        | 08/09/2007 |         | 8   | 7.0     |  | 0.0   | 0.0   | 2.9        |
| 21  | 2256201162922 | Đỗ Bảo Thy          | 12/09/2007 |         | 8   | 9.0     |  | 8.5   |       | 8.6        |
| 22  | 2256201162923 | Lê Thị Mỹ Tiên      | 22/11/2006 |         | 8   | 8.5     |  | 10.0  |       | 9.3        |
| 23  | 2256201162924 | Nguyễn Minh Trí     | 14/08/2007 |         | 8   | 8.5     |  | 7.0   |       | 7.5        |
| 24  | 2256201162925 | Đào Quang Trung     | 11/04/2006 |         | 0   | 0.0     |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 25  | 2256201162926 | Trần Thành Trung    | 24/12/2006 |         | 0   | 0.0     |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 26  | 2256201162927 | Nguyễn Thị Ngọc Vy  | 11/05/2007 |         | 8   | 7.0     |  | 8.5   |       | 8.0        |
| 27  | 2256201162928 | Nguyễn Thị Hồng Anh | 19/08/2006 |         | 0   | 0.0     |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |

Châu Đốc, ngày 25 tháng 5 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Quốc Trình